

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2024 - THÁNG 11

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Nhu cầu thanh toán tháng 11/2024			
		Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18	19
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9.483.978</b>	<b>73.369</b>	<b>7.865.617</b>	<b>9.410.609</b>	<b>6.203.612</b>	<b>60.329</b>	<b>57.718</b>	<b>2.611</b>	<b>6.143.283</b>	<b>5.715.487</b>	<b>427.796</b>	<b>6.931.330</b>	<b>65.750</b>	<b>6.865.580</b>	<b>727.718</b>	<b>5.422</b>	<b>722.296</b>
*	<b>VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)</b>	<b>9.483.978</b>	<b>73.369</b>	<b>7.865.617</b>	<b>9.410.609</b>	<b>6.203.612</b>	<b>60.329</b>	<b>57.718</b>	<b>2.611</b>	<b>6.143.283</b>	<b>5.715.487</b>	<b>427.796</b>	<b>6.931.330</b>	<b>65.750</b>	<b>6.865.580</b>	<b>727.718</b>	<b>5.422</b>	<b>722.296</b>
	(1) <b>VỐN TRONG NƯỚC</b>	9.299.128	73.369	7.680.767	9.225.759	6.031.385	60.329	57.718	2.611	5.971.056	5.547.293	423.763	6.746.480	65.750	6.680.730	715.095	5.422	709.674
	(2) <b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	(A) <b>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	7.655.155	21.483	6.088.680	7.633.672	4.797.683	15.983	15.983	-	4.781.700	4.575.510	206.191	5.386.589	17.683	5.368.906	588.906	1.700	587.206
	(B) <b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:</b>	1.328.823	51.886	1.276.937	1.276.937	1.013.928	44.346	41.735	2.611	969.582	941.414	28.168	1.114.279	48.067	1.066.211	100.351	3.721	96.629
	<b>Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:</b>	<b>936.610</b>	<b>-</b>	<b>936.610</b>	<b>936.610</b>	<b>748.174</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>748.174</b>	<b>738.211</b>	<b>9.963</b>	<b>818.624</b>	<b>-</b>	<b>818.624</b>	<b>70.450</b>	<b>-</b>	<b>70.450</b>
	Vốn trong nước	751.760	-	751.760	751.760	575.947	-	-	-	575.947	570.017	5.930	633.774	-	633.774	57.828	-	57.828
	Vốn nước ngoài	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	<b>Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:</b>	<b>392.213</b>	<b>51.886</b>	<b>340.327</b>	<b>340.327</b>	<b>265.754</b>	<b>44.346</b>	<b>41.735</b>	<b>2.611</b>	<b>221.408</b>	<b>203.204</b>	<b>18.205</b>	<b>295.655</b>	<b>48.067</b>	<b>247.587</b>	<b>29.900</b>	<b>3.721</b>	<b>26.179</b>
	Vốn trong nước	392.213	51.886	340.327	340.327	265.754	44.346	41.735	2.611	221.408	203.204	18.205	295.655	48.067	247.587	29.900	3.721	26.179
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
A	<b>DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ</b>																	
B	<b>DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>	<b>9.483.978</b>	<b>73.369</b>	<b>7.865.617</b>	<b>9.410.609</b>	<b>6.203.612</b>	<b>60.329</b>	<b>57.718</b>	<b>2.611</b>	<b>6.143.283</b>	<b>5.715.487</b>	<b>427.796</b>	<b>6.931.330</b>	<b>65.750</b>	<b>6.865.580</b>	<b>727.718</b>	<b>5.422</b>	<b>722.296</b>
	Vốn trong nước	9.299.128	73.369	7.680.767	9.225.759	6.031.385	60.329	57.718	2.611	5.971.056	5.547.293	423.763	6.746.480	65.750	6.680.730	715.095	5.422	709.674
	Vốn nước ngoài, trong đó:	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B.1	<b>VỐN NSNN</b>	<b>9.483.978</b>	<b>73.369</b>	<b>7.865.617</b>	<b>9.410.609</b>	<b>6.203.612</b>	<b>60.329</b>	<b>57.718</b>	<b>2.611</b>	<b>6.143.283</b>	<b>5.715.487</b>	<b>427.796</b>	<b>6.931.330</b>	<b>65.750</b>	<b>6.865.580</b>	<b>727.718</b>	<b>5.422</b>	<b>722.296</b>
	Vốn trong nước	9.299.128	73.369	7.680.767	9.225.759	6.031.385	60.329	57.718	2.611	5.971.056	5.547.293	423.763	6.746.480	65.750	6.680.730	715.095	5.422	709.674
	Vốn nước ngoài, trong đó:	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	<b>Vốn cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>7.655.155</b>	<b>21.483</b>	<b>6.088.680</b>	<b>7.633.672</b>	<b>4.797.683</b>	<b>15.983</b>	<b>15.983</b>	<b>-</b>	<b>4.781.700</b>	<b>4.575.510</b>	<b>206.191</b>	<b>5.386.589</b>	<b>17.683</b>	<b>5.368.906</b>	<b>588.906</b>	<b>1.700</b>	<b>587.206</b>
2	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>1.828.823</b>	<b>51.886</b>	<b>1.776.937</b>	<b>1.776.937</b>	<b>1.405.929</b>	<b>44.346</b>	<b>41.735</b>	<b>2.611</b>	<b>1.361.583</b>	<b>1.139.977</b>	<b>221.605</b>	<b>1.544.741</b>	<b>48.067</b>	<b>1.496.674</b>	<b>138.812</b>	<b>3.721</b>	<b>135.091</b>
	Vốn trong nước	1.643.973	51.886	1.592.087	1.592.087	1.233.701	44.346	41.735	2.611	1.189.355	971.783	217.572	1.359.891	48.067	1.311.824	126.190	3.721	122.468
	Vốn nước ngoài, trong đó:	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	<b>Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực</b>	<b>936.610</b>	<b>-</b>	<b>936.610</b>	<b>936.610</b>	<b>748.174</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>748.174</b>	<b>738.211</b>	<b>9.963</b>	<b>818.624</b>	<b>-</b>	<b>818.624</b>	<b>70.450</b>	<b>-</b>	<b>70.450</b>
	Vốn trong nước	751.760	-	751.760	751.760	575.947	-	-	-	575.947	570.017	5.930	633.774	-	633.774	57.828	-	57.828
	Vốn nước ngoài, trong đó:	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	184.850	-	184.850	184.850	172.227	-	-	-	172.227	168.194	4.033	184.850	-	184.850	12.623	-	12.623
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	<b>Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>392.213</b>	<b>51.886</b>	<b>340.327</b>	<b>340.327</b>	<b>265.754</b>	<b>44.346</b>	<b>41.735</b>	<b>2.611</b>	<b>221.408</b>	<b>203.204</b>	<b>18.205</b>	<b>295.655</b>	<b>48.067</b>	<b>247.587</b>	<b>29.900</b>	<b>3.721</b>	<b>26.179</b>

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo			Nhu cầu thanh toán tháng 11/2024			
		Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/dịa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18	19
	Vốn trong nước	392.213	51.886	340.327	340.327	265.754	44.346	41.735	2.611	221.408	203.204	18.205	295.655	48.067	247.587	29.900	3.721	26.179
	<i>CTMTOG Xây dựng Nông thôn mới</i>	<i>109.065</i>	<i>1.225</i>	<i>107.840</i>	<i>107.840</i>	<i>89.392</i>	<i>68</i>	<i>68</i>	<i>(0)</i>	<i>89.323</i>	<i>88.129</i>	<i>1.194</i>	<i>97.789</i>	<i>171</i>	<i>97.619</i>	<i>8.398</i>	<i>102</i>	<i>8.295</i>
	<i>CTMTQG Giảm nghèo bền vững</i>	<i>137.949</i>	<i>40.336</i>	<i>97.613</i>	<i>97.613</i>	<i>70.552</i>	<i>37.577</i>	<i>36.156</i>	<i>1.422</i>	<i>32.975</i>	<i>26.783</i>	<i>6.192</i>	<i>80.820</i>	<i>40.336</i>	<i>40.484</i>	<i>10.268</i>	<i>2.759</i>	<i>7.509</i>
	<i>CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	<i>145.199</i>	<i>10.325</i>	<i>134.874</i>	<i>134.874</i>	<i>105.810</i>	<i>6.700</i>	<i>5.511</i>	<i>1.189</i>	<i>99.110</i>	<i>88.291</i>	<i>10.819</i>	<i>117.045</i>	<i>7.560</i>	<i>109.485</i>	<i>11.235</i>	<i>860</i>	<i>10.375</i>
	Vốn nước ngoài, trong đó																	
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																	
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																	
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	500.000	-	500.000	500.000	392.001	-	-	-	392.001	198.563	193.438	430.462	-	430.462	38.462	-	38.462
	Vốn trong nước	500.000	-	500.000	500.000	392.001	-	-	-	392.001	198.563	193.438	430.462	-	430.462	38.462	-	38.462
B.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định																	
	TÍNH...																	

Số: 194 /BC-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 11 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2024 Kỳ báo cáo: Tháng 11 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, Văn bản số 2346/BTC-ĐT ngày 10/03/2022 và Văn bản số 1626/BTC-ĐT ngày 7/2/2024 về việc hướng dẫn báo cáo tình hình giải ngân hằng quý, xác định nhu cầu giải ngân Quý tiếp theo theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ; trên cơ sở tổng hợp của các đơn vị trực thuộc, UBND tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn tháng 11 kế hoạch năm 2024 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### **I. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công:**

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 9.484 tỷ đồng, trong đó:
  - + Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định (nếu có): 73 tỷ đồng
  - + Vốn kế hoạch năm: 9.411 tỷ đồng
- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 6.203 tỷ đồng, đạt 65,41% so với kế hoạch giao, trong đó:
  - + Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 60 tỷ đồng, đạt 82,23% kế hoạch giao;
  - + Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 6.143 tỷ đồng, đạt 65,28% kế hoạch giao.
- Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 6.931 tỷ đồng, đạt 73,08% so với kế hoạch giao, trong đó:
  - + Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 65 tỷ đồng, đạt 89,62% kế hoạch giao;
  - + Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 6.865 tỷ đồng đạt 72,96% kế hoạch giao.

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01a/TTKHN)

## II. Nhận xét, đánh giá:

Để hoàn thành kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 6/12/2023 và UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 8/12/2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị: KBNN tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương và các Chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2024 được giao ngay từ đầu năm, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đạt hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

## III. Giải pháp:

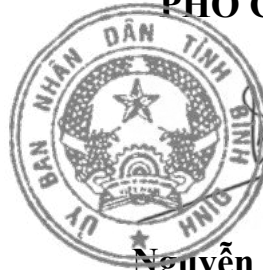
UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 09/01/2024; Văn bản số 505/UBND-TH ngày 19/01/2024; Văn bản số 2361/UBND-VX ngày 02/04/2024; Văn bản số 6211/UBND-VX ngày 14/8/2024 chỉ đạo công tác đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh, theo đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương, chủ động thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 đảm bảo mục tiêu theo các mốc thời gian 30/4/2024; 30/6/2024; 30/9/2024 và 31/12/2024 nhằm phấn đấu hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả, giúp cho công tác điều hành ngân sách trên địa bàn tỉnh được ổn định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp và chỉ đạo thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH và ĐT;
- KBNN tỉnh;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**